CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG
Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9, đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
ĐT: 04.3200 5861 - Fax: 04.3200 5862

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN
Địa chỉ :Số 47, tổ 8 thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 01 - 02

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 03 - 04

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 05 - 06

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 07

5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 08

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 09 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn thuộc Công ty TNHH Môi trường đô thị Hà Nội (sau đây gọi tắt là 'Chi nhánh') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

Ban Giám đốc và kế toán trưởng: **Chức vụ**

Ban Giám đốc điều hành Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 gồm:

- Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn từ ngày 06/06/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 06/06/2016 số 0107461250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Sau khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn sẽ kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm được bàn giao từ Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn. Theo đó, con dấu đóng trong Báo cáo này sẽ mang tên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn.

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Chi nhánh.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.

- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Chi nhánh đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Chi nhánh, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Chi nhánh có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Chi nhánh cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2016
Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SƠN

Nguyễn Văn Chính
Chủ tịch

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG
Tầng 6 tòa nhà Việt á, số 9, đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
ĐT: 04.3200 5861 - Fax: 04.3200 5862

Số 02 /2016/BCKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI -
CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn thuộc Công ty TNHH Môi trường đô thị Hà Nội , được lập ngày 05 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 05 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám Đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Chi nhánh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Chi nhánh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Chi nhánh tại thời điểm 05/06/2016, các thủ tục kiểm toán bổ sung không mang lại cho chúng tôi cơ sở chắc chắn để khẳng định về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên. Tại thời điểm 05/06/2016, số dư tiền mặt và hàng tồn kho của Chi nhánh tương ứng là 1.824.106.929 VND và 454.852.313 VND. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu cũng như giá trị của những khoản mục này được trình bày trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận công nợ tại thời điểm 05/06/2016 của phải thu khách hàng với giá trị 2.075.305.483 VND, phải trả người bán với giá trị 1.220.164.997 VND và phải trả khác với giá trị 260.968.875 VND. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên;

Chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến khu đất chân bãi rác Phú Minh với tổng giá trị 1.003.590.000 VND đang được ghi nhận vào chi phí trả trước. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề trên cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016.

Trong kỳ, doanh thu thu phí dịch vụ vệ sinh môi trường của Chi nhánh được ghi nhận sau khi đã trừ đi 208.231.819 VND phải nộp về Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khoản phải nộp này chưa được quyết toán nên còn phù thuộc vào quyết định của Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND huyện Sóc Sơn.

Trong tổng số doanh thu trong kỳ của Chi nhánh có 1.324.401.155 VND doanh thu được ghi nhận từ các hợp đồng được ký với Ban Duy tu các Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và Ban Quản lý Môi trường và Đô thị xã Phổ Yên chưa được nghiệm thu. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục nêu trên, bất cứ sự điều chỉnh nào về vấn đề này cũng sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016.

Đến thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa được cung cấp quyết định phê duyệt về tổng số 511.328.748 VND phân phối lợi nhuận vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi trong kỳ. Theo đó số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào phê quyệt của cấp có thẩm quyền.

Chi nhánh chưa theo dõi giá vốn theo từng loại hợp đồng, chưa xác định chi phí dở dang cuối kỳ. Vì vậy, giá vốn xác định trong kỳ và số dư hàng tồn kho cuối kỳ có thể không phù hợp với thực tế phát sinh.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn thuộc Công ty TNHH Môi trường đô thị Hà Nội tại ngày 05 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2016

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Thị Hồng Vân	**Lê Thị Thanh Thủy**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0822-2016-196-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2376-2016-196-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 05 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 05/06/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**27,364,596,857**	**29,517,296,345**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**20,421,940,774**	**21,485,421,422**
1. Tiền	111	V.01	20,421,940,774	21,485,421,422
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6,487,794,485**	**7,782,062,998**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	5,584,202,310	7,471,123,653
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6,600,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	896,992,175	310,939,345
IV. Hàng tồn kho	**140**		**454,852,313**	**249,739,666**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	454,852,313	249,739,666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9,285**	**72,259**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9,285	72,259
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**23,448,863,027**	**28,293,566,749**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**20,719,380,546**	**24,217,356,752**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	20,719,380,546	18,508,292,752
Nguyên giá	*222*		*31,757,708,106*	*30,036,350,115*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(11,038,327,560)*	*(11,528,057,363)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	5,709,064,000
Nguyên giá	*228*		-	*5,709,064,000*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**2,445,909,091**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạ	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	2,445,909,091
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2,729,482,481**	**1,630,300,906**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	2,729,482,481	1,630,300,906
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**50,813,459,884**	**57,810,863,094**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 05 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 05/06/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**25,813,459,884**	**28,617,638,701**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**25,063,459,884**	**28,617,638,701**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3,561,744,094	5,673,297,919
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4,575,309	1,308,859
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	708,463,776	695,295,216
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	2,083,862,295
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	19,299,847,957	19,233,325,006
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	1,000,000,000	942,204,889
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		488,828,748	(11,655,483)
II. Nợ dài hạn	**330**		**750,000,000**	**-**
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	750,000,000	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**25,000,000,000**	**29,193,224,393**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.17	**25,000,000,000**	**28,538,724,393**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	26,189,807,045
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1,781,583,437
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	567,333,911
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		-	*567,333,911*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**654,500,000**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**50,813,459,884**	**57,810,863,094**

Hà nội, ngày 05 tháng 07 năm 2016

CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Tâm	Nguyễn Văn Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**14,740,951,556**	**34,721,236,199**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**14,740,951,556**	**34,721,236,199**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.02	11,440,357,327	26,725,667,710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**3,300,594,229**	**7,995,568,489**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	55,804,275	25,343,733
7. Chi phí tài chính	22		97,367,944	44,175,469
- Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		*97,367,944*	*44,175,469*
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	3,059,021,033	7,772,786,779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**200,009,527**	**203,949,974**
11. Thu nhập khác	31	VI.06	43,050,000	-
12. Chi phí khác	32	VI.07	26,450,702	55,714,660
13. Lợi nhuận khác	**40**		**16,599,298**	**(55,714,660)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**216,608,825**	**148,235,314**
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	53,473,096	44,868,994
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**163,135,729**	**103,366,320**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà nội, ngày 05 tháng 07 năm 2016

CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Tâm	Nguyễn Văn Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		18,200,738,388	39,912,504,397
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11,833,355,077)	(15,351,637,624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,186,203,252)	(14,359,735,669)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(38,305,444)	(1,722,989,069)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(203,618,828)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		401,804,727	20,467,622,885
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,383,366,002)	(9,937,041,653)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	**20**		**(1,042,305,488)**	**19,008,723,267**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(134,774,546)	-
7. Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55,804,275	25,343,733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(78,970,271)**	**25,343,733**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33		1,996,071,600	2,441,207,134
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,938,276,489)	(1,499,002,245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**57,795,111**	**942,204,889**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(1,063,480,648)**	**19,976,271,889**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**21,485,421,422**	**1,509,149,533**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**20,421,940,774**	**21,485,421,422**

Hà nội, ngày 05 tháng 07 năm 2016

CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Tâm	Nguyễn Văn Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn (gọi tắt là "Chi nhánh") thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn được thành lập theo Quyết định số 639/QĐ-UB ngày 03/03/1999 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định 475/QĐ-UB ngày 26/01/1999 về việc "Bổ sung nhiệm vụ Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn". Ngày 03/05/2013, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 2878/QĐ-UBND về việc sát nhập Xí nghiệp Môi trường huyện Sóc Sơn vào Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội. Theo đó, Xí nghiệp được đổi tên thành Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn trực thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội theo Quyết định thành lập Chi nhánh số 648/QĐ-MTĐT ngày 15/9/2014 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100105535-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: Số 47, tổ 8 thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường, quản lý đô thị.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu kim loại và phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn phế thải, phế liệu kim loại, phi kim loại (không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);
- Sửa chữa bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị chuyên dùng ngành môi trường đô thị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Trồng mới, duy trì, chăm sóc cây cảnh, thảm cỏ, vườn hoa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải bộ;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê văn phòng;
- Đào tạo nghiệp vụ ngành môi trường đô thị;
- Tư vấn, dịch vụ lập các dự án đánh giá tác động môi trường quan trắc môi trường;
- Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ ngành môi trường đô thị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê văn phòng;
- Đào tạo nghiệp vụ ngành môi trường đô thị;
- Tư vấn, dịch vụ lập các dự án đánh giá tác động môi trường quan trắc môi trường;
- Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ ngành môi trường đô thị;

'(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chi nhánh chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Chi nhánh không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Chi nhánh theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 được lập để phục vụ cho mục đích cổ phần hoá.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Chi nhánh áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chi nhánh đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc thiết bị	8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

Chi phí thuê đất và chi phí giải phóng mặt bằng không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ vô hình là mảnh đất chân rác Phú Minh tại khu cánh đồng Trại Lẫm, thôn Thắng Lợi, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội với diện tích là 1.515 m2, thời gian thuê là 20 năm. Từ năm 2011, khoản trích này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được thuê.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Chi nhánh bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và lãi tiền gửi ngân hàng.

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

b. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Chi nhánh áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 5% đối với dịch vụ nước sinh hoạt, 10% đối với dịch vụ vệ sinh môi trường và không chịu thuế đối với dịch vụ duy tu bảo dưỡng các tuyến đường, hệ thống điện, cây xanh.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm. Trong kỳ hoạt động này Chi nhánh không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại;

Chi nhánh áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

c. Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước

d. Tài sản giữ hộ

Tài sản giữ hộ là các tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi thành Công ty cổ phần, bao gồm:

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản không cần dùng	256,296,600	256,296,600	-
Tài sản chờ thanh lý	1,894,126,000	1,851,076,000	43,050,000
Cộng	**2,150,422,600**	**2,107,372,600**	**43,050,000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương tương tiền

	05/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	**1,824,106,929**	**826,085,034**
+ Tiền mặt tại quỹ VND	1,824,106,929	826,085,034
Tiền gửi ngân hàng VND	**18,597,833,845**	**20,659,336,388**
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam-CN Sóc Sơn	164,735,980	294,069,999
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Bắc Thăng Long	18,433,097,865	20,365,266,389
Tổng cộng	**20,421,940,774**	**21,485,421,422**

2. Phải thu khách hàng

	05/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a *Phải thu của khách hàng ngắn hạn*		
- BQL các dự án đầu tư xây dựng tài nguyên và môi trường Hà Nội	179,255,315	972,096,000
- Thôn cộng hòa Phù linh	33,012,000	4,634,000
- Thôn Vệ Linh - Phù Linh	35,000,000	3,657,000
- Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	-	37,903,250
- Công ty Cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài	62,000,000	-
- Công ty TNHH nhà ga hàng hoá ALS	15,794,000	34,560,000
- Công ty Cổ phần Thuận Trường An	2,995,200	30,195,200
- Ban quản lý chợ Phủ Lỗ	35,062,500	84,150,000
- Ban quản lý chợ Nỷ	26,250,000	63,000,000
- Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	-	119,563,605
- Trường THPT Xuân Giang	30,098,640	-
- Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	52,652,270	647,211,000
- Trường cao đẳng cảnh sát nhân dân I	64,896,000	64,896,000
- Trường cao đẳng an ninh nhân dân I	78,540,000	94,248,000
- Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	24,200,000	36,300,000
- Đặng Xuân Hải	-	72,000,000
- Công ty TNHH phát triển Nội Bài	-	34,553,750
- Công ty CP môi Trường đô thị & công nghiệp 10 - URENCO 10	66,000,000	-
- Công ty CP sản xuất và thương mại Tâm Việt	-	39,000,000
- Ban quản lý dự án huyện Sóc Sơn	3,285,123,009	4,072,802,809
- Công ty TNHH Một thành viên cơ khí 17	14,845,600	44,888,800
- Trung tâm Khai thác ga Nội Bài_Cảng hàng không QT Nội Bài - CN	-	254,210,635
- Công ty TNHH thiết kế xây dựng và thương mại Sóc Sơn	161,000,000	161,000,000
- Công ty Coldtech Việt Nam	110,000,000	110,000,000
- Phòng tài nguyên và môi trường huyện Sóc Sơn	-	58,575,899
- Ban quản lý môi trường và đô thị thị xã Phổ Yên	887,189,001	-
- Các đối tượng khác	420,288,775	357,009,705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

b. *Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội - CN Cầu Diễn	-	74,668,000
Tổng cộng	**5,584,202,310**	**7,471,123,653**

3. Trả trước cho người bán

	05/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH thiết bị kỹ thuật tin học Trường Chinh	6,600,000	-
Tổng cộng	**6,600,000**	**-**

4. Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	05/06/2016		01/01/2016	
Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	302,310,845	-	165,401,545	-
Các khoản phải thu khác		-		-
Ký quỹ ký cược	594,681,330	-	117,800,000	-
Phải thu khác.	-	-	27,737,800	-
Tổng cộng	**896,992,175**	**-**	**310,939,345**	**-**

Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng

5. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	05/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	254,071,650	-	207,308,645	-
Công cụ, dụng cụ	200,780,663	-	42,431,021	-
Tổng cộng	**454,852,313**	**-**	**249,739,666**	**-**

6. Chi phí trả trước

Đơn vị tính: VND

Chi phí trả trước dài hạn	01/01/2016	Tăng	Kết chuyển chi phí	05/06/2016
Chi phí trả trước tiền thuê đất	522,980,175	-	14,527,227	508,452,948
Chi phí khu đất chân bãi rác Phú Minh	-	1,003,590,000	-	1,003,590,000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,107,320,731	626,041,570	515,922,768	1,217,439,533
Tổng cộng	**1,630,300,906**	**1,629,631,570**	**530,449,995**	**2,729,482,481**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					-	
- Số dư đầu kỳ	16,355,740,115	428,000,000	12,948,216,000	304,394,000	-	**30,036,350,115**
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	**-**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	2,580,683,637	-	-	**2,580,683,637**
- Tăng khác	1,032,105,354	2,695,000	-	-	-	**1,034,800,354**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	**-**
- Giảm khác	-	-	(1,894,126,000)	-	-	**(1,894,126,000)**
Số dư cuối kỳ	**17,387,845,469**	**430,695,000**	**13,634,773,637**	**304,394,000**	**-**	**31,757,708,106**
Khấu hao luỹ kế						
- Số dư đầu kỳ	4,881,961,696	203,500,000	6,379,580,000	63,015,667	-	**11,528,057,363**
- Khấu hao trong kỳ	433,275,615	22,291,670	568,115,570	15,853,860	-	**1,039,536,715**
- Tăng khác	616,068,982	-	-	-	-	**616,068,982**
- Giảm khác	(246,591,651)	(2,591,100)	(1,894,126,000)	(2,026,749)	-	**(2,145,335,500)**
Số dư cuối kỳ	**5,684,714,642**	**223,200,570**	**5,053,569,570**	**76,842,778**	**-**	**11,038,327,560**
Giá trị còn lại						
- Số dư đầu kỳ	11,473,778,419	224,500,000	6,568,636,000	241,378,333	-	18,508,292,752
- Số dư cuối kỳ	**11,703,130,827**	**207,494,430**	**8,581,204,067**	**227,551,222**	**-**	**20,719,380,546**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: chưa có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
- Số dư đầu kỳ	5,709,064,000	-	-	-	-	5,709,064,000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(5,709,064,000)	-	-	-	-	(5,709,064,000)
Số dư cuối kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Khấu hao luỹ kế						
- Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Giá trị còn lại						
- Số dư đầu kỳ	5,709,064,000	-	-	-	-	5,709,064,000
- Số dư cuối kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

10. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	2,445,909,091
Tổng cộng	**-**	**2,445,909,091**

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	05/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ Phần Thương Mại và Phát triển xây dựng Minh Đức	1,317,008,011	1,317,008,011	294,973,045	294,973,045
- Doanh nghiệp tư nhân Nghĩa Bình	246,692,468	246,692,468	104,246,414	104,246,414
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển Linh Phương	95,075,750	95,075,750	913,397,230	913,397,230
- Nguyễn Hữu Hoàng	252,176,867	252,176,867	710,919,725	710,919,725
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Ngân	-	-	720,000,000	720,000,000
- Công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị Hà Nội	37,587,849	37,587,849	81,131,870	81,131,870
- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long	494,438,142	494,438,142	494,438,142	494,438,142
- Công ty TNHH thiết kế xây dựng và thương mại Sóc Sơn	-	-	955,194,195	955,194,195
- Công ty cổ phần dịch vụ cơ khí môi trường Đông Sơn	299,679,000	299,679,000	338,032,943	338,032,943
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Thành Công	-	-	126,157,600	126,157,600
- Công ty cổ phần thương mại Liên Minh Việt	52,371,000	52,371,000	-	-
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Phú Hà	-	-	62,865,000	62,865,000
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ công nghệ Lam Phương	-	-	53,200,000	53,200,000
- Hợp tác xã môi trường và kinh doanh tổng hợp Mai Đình	147,156,563	147,156,563	-	-
- Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường Nội Bài	171,697,438	171,697,438	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

- Công ty cổ phần Thương mại và xây dựng Gia Lộc	152,827,290	152,827,290	-	-
- Công ty TNHH máy và thiết bị Thái An Hưng	-	-	458,150,000	458,150,000
- Trung tâm 3M	-	-	234,860,000	234,860,000
- Các đối tượng khác	295,033,716	295,033,716	125,731,755	125,731,755
Tổng cộng	**3,561,744,094**	**3,561,744,094**	**5,673,297,919**	**5,673,297,919**

12. Người mua trả tiền trước

	05/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Ban quản lý chợ Sóc Sơn	-	1,181,750
- Trung tâm Huấn luyện bộ tham mưu - Tổng cục hậu cần	127,000	127,000
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn	450,000	-
- Thôn Nội Phật - Mai Đình	3,998,000	-
- Khách hàng khác	309	109
Tổng cộng	**4,575,309**	**1,308,859**

13. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	05/06/2016
Thuế GTGT đầu ra	498,022,798	670,846,454	507,532,162	661,337,090
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TTĐB	-	-	-	-
Thuế XNK	-	-	-	-
Thuế TNDN	197,249,210	53,473,096	203,618,828	47,103,478
Thuế TNCN	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	457,752	394,778	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	25,691,718	25,691,718	-
Thuế nhà thầu	-	-	-	-
Các loại thuế khác	23,208	1,000,000	1,000,000	23,208
Tổng cộng -	**695,295,216**	**751,469,020**	**738,237,486**	**708,463,776**

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

14. Chi phí phải trả	**05/06/2016**	**01/01/2016**
Ngắn hạn	**VND**	**VND**
- Chi phí trích trước	-	2,083,862,295
Tổng cộng	**-**	**2,083,862,295**

15. Phải trả khác	**05/06/2016**	**01/01/2016**
Phải trả ngắn hạn khác	**VND**	**VND**
- Bảo hiểm y tế	72,482,032	-
- Bảo hiểm xã hội	419,164,771	664,950
- Bảo hiểm thất nghiệp	32,202,902	-
- Phải trả về cổ phần hóa	18,515,029,377	19,137,160,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	260,968,875	95,500,056
Tổng cộng	**19,299,847,957**	**19,233,325,006**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

18. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn					-	
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Sóc Sơn	942,204,889	942,204,889	1,996,071,600	1,938,276,489	1,000,000,000	1,000,000,000
Tổng cộng	**942,204,889**	**942,204,889**	**1,996,071,600**	**1,938,276,489**	**1,000,000,000**	**1,000,000,000**

b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
Vay dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	750,000,000		750,000,000	750,000,000
Tổng cộng	**-**	**-**	**750,000,000**	**-**	**750,000,000**	**750,000,000**

(*) Khoản vay cán bộ công nhân viên tăng trong kỳ là khoản vay đã phát sinh trong năm 2015 dùng để mua xe tưới đường phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh đang theo dõi trên khoản mục "Phải trả khác" và "Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ", được phân loại lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 05/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**26,189,807,045**		**1,781,583,437**	**580,567,591**	**-**	
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	103,366,320	-	103,366,320
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(116,600,000)	-	(116,600,000)
Số dư cuối năm trước	**26,189,807,045**	**-**	**1,781,583,437**	**567,333,911**	**-**	**28,538,724,393**
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	163,135,729	-	163,135,729
Tăng khác	4,464,276,667	-	-	-	-	4,464,276,667
Trích quỹ từ LN sau thuế	-	-	219,140,892	(730,469,640)	-	(511,328,748)
Nộp về chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(5,654,083,712)	-	(2,000,724,329)	-	-	(7,654,808,041)
Số dư ngày 05/06/2016	**25,000,000,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**25,000,000,000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	26,189,807,045	26,189,807,045
+ Vốn góp tăng trong năm	4,464,276,667	-
+ Vốn góp giảm trong năm	(5,654,083,712)	-
+ Vốn góp cuối năm	**25,000,000,000**	**26,189,807,045**
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu	**14,740,951,556**	**34,721,236,199**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14,740,951,556	34,721,236,199
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**14,740,951,556**	**34,721,236,199**
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	14,740,951,556	34,721,236,199

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	11,440,357,327	26,725,667,710
Tổng cộng	**11,440,357,327**	**26,725,667,710**

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	55,804,275	25,343,733
Tổng cộng	**55,804,275**	**25,343,733**

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	97,367,944	44,175,469
Tổng cộng	**97,367,944**	**44,175,469**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,114,836,158	2,995,637,154
Chi phí vật liệu quản lý	12,887,835	82,833,275
Chi phí đồ dùng văn phòng	279,564,449	346,824,093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215,807,125	432,906,688
Thuế, phí và lệ phí	2,062,118	49,484,318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205,533,641	758,699,429
Chi phí bằng tiền khác	1,228,329,707	3,106,401,822
Tổng cộng	**3,059,021,033**	**7,772,786,779**

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản thu nhập khác	43,050,000	-
Tổng cộng	**43,050,000**	**-**

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Phạt nộp chậm thuế, phạt hành chính	14,990,702	45,214,660
Các khoản chi ủng hộ địa phương	11,460,000	10,500,000
Tổng cộng	**26,450,702**	**55,714,660**

08. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	216,608,825	148,235,314
Cộng các khoản chi phí không được trừ	26,450,702	55,714,660
Tăng các khoản tính thuế trong năm	-	-
Thu nhập tính thuế	243,059,527	203,949,974
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**53,473,096**	**44,868,994**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	1,350,374,186	1,465,465,899
Chi phí nhân công;	6,549,208,749	16,923,199,592
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	1,039,536,715	2,266,657,708
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	3,200,109,505	7,068,427,185
Chi phí khác bằng tiền.	2,092,567,703	5,513,852,042
Tổng cộng	**14,231,796,858**	**33,237,602,426**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Chi nhánh quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Chi nhánh vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Nhà nước thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Chi nhánh gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước của Chi nhánh (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ luỹ kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Chi nhánh áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	05/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,421,940,774	-	21,485,421,422	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	6,481,194,485	-	7,782,062,998	-
Tổng cộng	**26,903,135,259**	**-**	**29,267,484,420**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

Công nợ tài chính	05/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	22,861,592,051	24,906,622,925
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	1,750,000,000	942,204,889
Chi phí phải trả	-	2,083,862,295
Tổng cộng	**24,611,592,051**	**27,932,690,109**

Chi nhánh chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Chi nhánh đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Chi nhánh phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ảnh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Chi nhánh.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Chi nhánh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch của Chi nhánh cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Chi nhánh là không phát sinh vì Chi nhánh không có giao dịch bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Chi nhánh quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Chi nhánh và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Đối với Chi nhánh Ban giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Chi nhánh. Chi nhánh có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Chi nhánh có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Chi nhánh.

Đối với các khoản phải thu, Chi nhánh thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Chi nhánh quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Chi nhánh tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Chi nhánh là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Chi nhánh duy trì mức dự phòng tiền mặt nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Chi nhánh phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Chi nhánh phải trả.

Tại ngày 05/06/2016	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,421,940,774	-	20,421,940,774
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	6,481,194,485	-	6,481,194,485
Tổng cộng	**26,903,135,259**	**-**	**26,903,135,259**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	22,861,592,051	-	22,861,592,051
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	1,000,000,000	750,000,000	1,750,000,000
Tổng cộng	**23,861,592,051**	**750,000,000**	**24,611,592,051**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**3,041,543,208**	**(750,000,000)**	**2,291,543,208**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016

Tại ngày 01/01/2016	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,485,421,422	-	21,485,421,422
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	7,782,062,998	-	7,782,062,998
Tổng cộng	**29,267,484,420**	**-**	**29,267,484,420**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	24,906,622,925	-	24,906,622,925
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	942,204,889	-	942,204,889
Chi phí phải trả	2,083,862,295	-	2,083,862,295
Tổng cộng	**27,932,690,109**	**-**	**27,932,690,109**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1,334,794,311**	**-**	**1,334,794,311**

2. Thông tin về các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 05/06/2016	**Năm 2015**
	VND	VND
Thu nhập của Ban giám đốc được hưởng	128,673,739	236,848,966
Tổng cộng	**128,673,739**	**236,848,966**

3. Số liệu so sánh

Do Chi nhánh không lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 05/06/2015 nên số liệu so sánh được tạm lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 của Chi nhánh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn từ ngày 06/06/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 06/06/2016 số 0107461250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Sau khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn sẽ kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm được bàn giao từ Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn. Theo đó, con dấu đóng trong Báo cáo này sẽ mang tên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn.

Hà nội, ngày 05 tháng 07 năm 2016

CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN SÓC SƠN

Kế toán trưởng	**Giám đốc**
Nguyễn Thị Minh Tâm	**Nguyễn Văn Chính**